

BÁT NHÃ BỒ TÁT

Bát Nhã Bồ Tát, tên Phạn là Prajñā-pāramitā, xưng đầy đủ là Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ Tát, dịch ý là Trí Tuệ vượt qua bờ bên kia.

Bát Nhã Bồ Tát là vị Bồ Tát rất đặc biệt của Mật Giáo. Đây là đem **Trí Tuệ** (Prajñā) tinh thông vạn sự của Đức Phật, nhân cách hóa mà thành

Bát Nhã Bồ Tát lại xưng là Bát Nhã Phật Mẫu, đại biểu cho **Chính Pháp Luân Thân** (Saddharma-cakra-kāya) của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)

_Trong **viện Trì Minh** thuộc **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này là quyền thuộc của Thiên Thủ Quán Âm, có thân màu thịt, đầu đội mào báu, thân khoác giáp trụ, có ba mắt 6 cánh tay. Bên trái: Tay thứ nhất co khuỷu tay cầm Phạn Khiếp để ngang ngực, tay thứ hai ngửa lòng bàn tay để dưới rốn; tay thứ ba ngửa lòng bàn tay co ngón vô danh, ngón cái đè trên đầu ngón vô danh và duỗi 3 ngón còn lại. Bên phải: tay thứ nhất tác ấn cầm hoa sen, tay thứ hai duỗi để trên đầu gối; tay thứ ba co cánh tay, dựng lòng bàn tay, co ngón vô danh, ngón cái đè trên đầu ngón vô danh và duỗi 3 ngón còn lại, ngời ngay thẳng trên hoa sen đỏ.



Ba con mắt đại biểu cho Đức đặc biệt của ba Bộ: Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cương Bộ. Sáu cánh tay biểu thị cho một thân có đầy đủ 6 Ba La Mật.

Mật Hiệu là: **Đại Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là Jña (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp (rương Kinh Phạn)



Tướng Ấn là Phạn Khiếp Ấn: Tay trái duỗi năm ngón bằng phẳng, ngửa đặt dưới trái tim, đem tay phải che ở trên tay trái.



Chân Ngôn là:

ॐ वीः श्रीं ह्रीं वरुणाय स्वहा

Oṃ_dhīḥ śrī śrūta vijaye svāhā

_Trong **Viện Hư Không Tạng** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này là một trong mười Ba La Mật Bồ Tát, được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn này có thân màu thịt, tay phải để cạnh eo cầm cây kiếm. Tay trái dựng lòng bàn tay, co ngón trở ngón giữa và duỗi giương 3 ngón còn lại. Hơi dựng đầu gối phải, khoác áo cà sa.



Mật Hiệu là: **Đại Tuệ Kim Cương**

Chữ chung tử là: Dhī (𑖳), hoặc Pra (𑖣)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu



Tượng Ấn là Phạn Khiếp Ấn:



Chân Ngôn là:

ॐ धीः श्रीं श्रीं (धरुयस् सू न)

Oṃ_dhīh śrī śrūta vijaye svāhā

Đà La Ni Tập Kinh, quyển thứ ba ghi nhận Tôn Tượng **Đại Bát Nhã Bồ Tát** là: “Thân của Bồ Tát ấy, trừ mào Trời ra thì thân dài một khuỷu tay (một khuỷu tay của con người như một gang tay của Đức Phật), toàn thân màu trắng, mặt có ba con mắt, tựa như tướng Thiên Nữ, hình mạo đoan chánh như hình Bồ Tát, ngồi Kiết Già trên tòa Sư Tử, đầu đội mào Trời làm hào quang tròn trịa, lỗ tai đeo khuyên báu trân châu, ở bên dưới cổ đeo chuỗi Anh Lạc bảy báu. Co hai cánh tay, co cạnh khuỷu tay trái để ngay trên ngực, ngửa bàn tay phải giương duỗi năm ngón tay, trong lòng bàn tay vẽ làm rương Kinh bảy báu, trong ấy có đủ 12 Bộ Kinh tức là **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tạng** (Prajña-pāramita-garbha). Rũ bàn tay phải chạm trên đầu gối phải, giương duỗi năm ngón tay tức là tay **Thí Vô Úy** của Bồ Tát. Trên thân của Bồ Tát khoác tơ lụa mỏng, thêu đủ năm màu. Từ eo trở xuống mặc quần màu **ráng chiều** (triều hà: màu mây phản chiếu ánh mặt trời buổi xế chiều), ở trên vẽ hoa tiết màu vàng. Thiên y quấn quanh hai cánh tay, giao nhau tại nách lộ hai đầu ra, đều hướng lên trên, hơi quanh co như thể tung bay. Hai cổ tay ấy đều đeo vòng xuyên.



Bát Nhã Vô Tận Tạng Đà La Ni Chú là:

“Na mô bà già phiệt đê (1) bát-la nha, ba la nhĩ đa duệ (2) Úm (3) lợi-y (4) địa-y (5) thất-lợi (6) du-lô đà (7) tỳ xã duệ (8) sa ha (9)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं श्रीं वसुदेवाय नमः

Namo Bhagavate prajñā-pāramitāye. Om_Hriḥ Dhīḥ Śrī śrūti vijaye svāhā

Đức Phật nói: “Đà La Ni Ấn này có bốn loại tên gọi. Một là **Bát Nhã Vô Tận Tạng** (kho tàng không cùng tận của Bát Nhã), hai là **Bát Nhã Nhãn** (con mắt của Bát Nhã), ba là **Bát Nhã Căn Bản** (Gốc rễ của Bát Nhã), bốn là **Kim Cang Bát Nhã Tâm** (Tâm của Kim Cang Bát Nhã).

Đà La Ni Ấn này có Công Đức lớn, nếu hay chí Tâm như Pháp thọ trì, tùy tụng một biến thì sanh ra một vạn tám ngàn **Tu Đa La Tạng** (Kinh Tạng). Lại trong mỗi một Tu Đa La Tạng, mỗi mỗi đều sanh ra hai vạn ngàn Tu Đa La Tạng. Lại trong mỗi một Tu Đa La Tạng ấy sanh ra trăm vạn Tu Đa La Tạng. Lại trong mỗi một Tu Đa La Tạng ấy sanh ra vô lượng na do tha a tăng kỳ Tu Đa La Tạng. Như vậy cho đến triển chuyển sanh ra vô lượng vô tận Tu Đa La Tạng. Nơi nêu ra **tựa đề, tên gọi, câu, nghĩa, mùi vị** (vị) của Kinh...mỗi mỗi đều chẳng giống nhau, nên chẳng nêu ra lần nữa. Như vậy niệm niệm sanh ra không cùng tận. Thế nên gọi là **Vô Tận Tạng Đà La Ni Ấn**.

Đà La Ni Ấn này tức là **Tông Tổ** của chư Phật ba đời ở mười phương, cũng là kho tàng Pháp không cùng tận của chư Phật ba đời ở mười phương, **mẹ** (mẫu) của tất cả Bát Nhã Ba La Mật. Là nơi mà chư Phật Bồ Tát quá khứ hiện tại vị lai đã thường cúng dường, cung kính, tán thán.

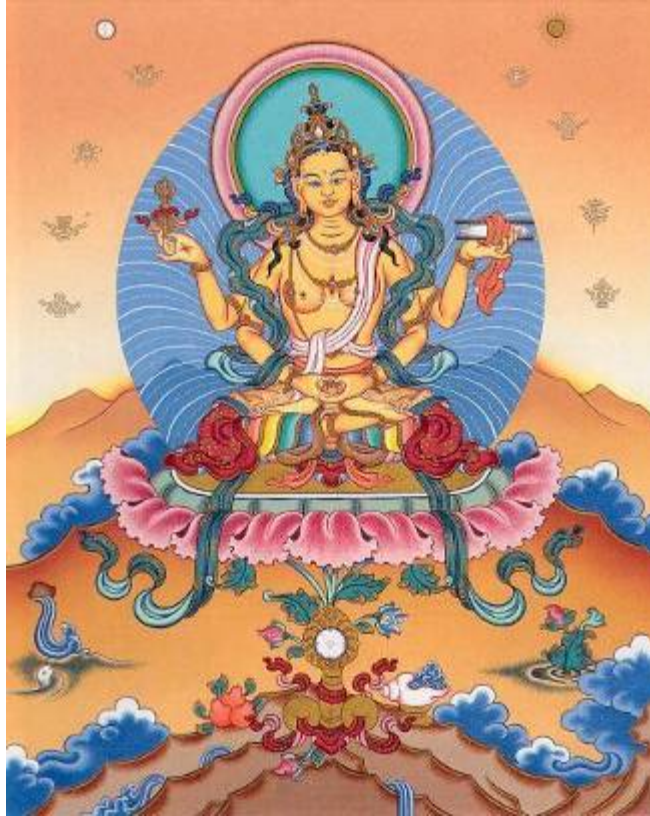
Nếu Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân dùng Tâm chí thành, viết chép, đọc tụng, như Thuyết tu hành thì hết thảy tội nặng trong trăm ngàn vạn ức hàng hà sa kiếp sinh tử của người này, ở khoảng phút chốc đều diệt hết không có dư sót.

Hết thảy Công Đức của Đà La Ni Ấn này, nếu Ta trụ ở trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp khen ngợi cũng chẳng hết, huống chi là người khác khen ngợi mà có thể hết được”

_Trong Kinh Nhân Vương Bát Nhã thì **Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát** (Vajra-pāramitā-bodhisatva) đồng Thể với Tôn này.

_Mật Giáo Tây Tạng thờ phụng Bát Nhã Bồ Tát qua các Tôn Tượng có hai tay, bốn tay và xưng là **Bát Nhã Phật Mẫu**





Tu trì Pháp Môn của Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát sẽ hay chứng được Trí Tuệ viên mãn của Bát Nhã Ba La Mật mà ngộ giải Pháp của Thế Gian với Xuất Thế Gian. Thông đạt rộng lớn 5 Minh của Bồ Tát là: **Thanh Minh** (Śabda-vidyā), **Công Xảo Minh** (Śilpa-karma-vidyā), **Y Phương Minh** (Cikitsā-vidyā), **Nhân Minh** (Hetu-vidyā), **Nội Minh** (Adhyātma-vidyā)

Soạn dịch xong **Quán Âm Pháp Bộ** vào ngày 25/09/2013
Hiệu chỉnh xong vào ngày 09/05/2014